

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 28-7-2017
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát Viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Mỹ H**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 03, ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 03, ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do chị có con riêng, chị chăm sóc, lo lắng cho con chị thì anh N không đồng ý từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nên vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh N có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, ngoài ra chị được biết anh N có sử dụng ma túy. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Xét thấy, trước khi chị H và anh N kết hôn thì chị H đã có con riêng; trong thời gian chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn do anh N không đồng ý việc chị H chăm sóc, lo lắng cho con riêng nên sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có giải pháp gì để đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Vũ Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Văn N.

1.1. Chị H và anh N chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Vũ Thị Mỹ H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014365 ngày 03/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- Chi cục THA H.D,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TẠ THỊ HẠ